

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 71/2017/DS-ST

Ngày: 15-9-2017.

V/v: Tranh chấp hợp đồng
Mua bán.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Dũ

2. Bà Võ Thị Kim Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Luân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang:
Ông Lê Trung Hiếu – kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2017/TLST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng góp mua bán theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2017/QĐXX-ST ngày 08 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trương Văn T, sinh năm 1948.

Địa chỉ: Ấp M, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Nguyễn Thị Kiều O, sinh năm 1964.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang

(Tại phiên tòa có mặt ông T, vắng mặt bà O)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trương Văn T trình bày:

Từ tháng 07 năm 2010 đến tháng 01 năm 2011 (dương lịch) ông có bán vật tư nông nghiệp là phân bón, thuốc bảo vệ thực vật cho bà Nguyễn Thị Kiều O nhiều lần với số tiền mua hàng tổng cộng là 49.416.000 đồng. Mỗi khi bà O mua hàng ông đều ghi số lượng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật vào sổ mua hàng và tính tiền cụ thể. Trong sổ mua hàng bà O có ký nhận nợ ngày 19/12/2010, đến tháng 01/2011, bà O tiếp tục mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật với số tiền

mua hàng bà O còn nợ tổng cộng là 49.416.000đồng. Sau khi kết nợ bà O hẹn 03 tháng sau sẽ trả nhưng đến ngày 10/01/2012 bà O chỉ trả được 6.500.000đồng. Số tiền nợ còn lại là 42.916.000đồng đến nay không trả. Ông đã nhiều lần đến nhà bà O yêu cầu bà O trả nợ nhưng bà O cứ hứa hẹn và kéo dài đến nay không trả. Nay ông yêu cầu bà Nguyễn Thị Kiều O trả cho ông số tiền mua vật tư nông nghiệp là phân bón, thuốc bảo vệ thực vật là 42.916.000đồng và yêu cầu trả số tiền lãi tính từ tháng 04 năm 2012 đến nay là 65 tháng theo mức lãi suất cơ bản của ngân hàng là 0,75%/tháng, thành tiền là 20.921.550đồng (321.870đồng/tháng x 65 tháng), tuy nhiên ông chỉ yêu cầu số tiền lãi tính tròn là 20.000.000đồng, tổng cộng tiền vốn và lãi là 62.916.000đồng, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

* Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, gửi bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ bà Nguyễn Thị Kiều O nhiều lần nhưng bà O vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

* Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Trương Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị Kiều O, ông yêu cầu bà O trả số tiền mua vật tư nông nghiệp và số tiền lãi là 62.916.000đồng, yêu cầu trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Phát biểu của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị Kiều O trả cho ông Trương Văn T số tiền mua vật tư nông nghiệp và số tiền lãi là 62.916.000đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ lời trình bày của các đương sự và các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Trương Văn T yêu cầu bà Nguyễn Thị Kiều O trả cho ông số tiền mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật chưa thanh toán. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng mua bán theo quy định tại Điều 428 Bộ luật dân sự năm 2005 và bị đơn bà Nguyễn Thị Kiều O có nơi cư trú tại

ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Kiều O đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Trương Văn T yêu cầu bà Nguyễn Thị Kiều O trả số tiền mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật chưa thanh toán là 42.916.000đồng. Quá trình mua bán ông T có lập sổ mua hàng ghi rõ số lượng hàng và số tiền mua hàng, bà O có ký tên nhận nợ trong sổ mua hàng. Ngoài ra, việc mua bán phân bón và vật tư nông nghiệp giữa ông T và bà O được anh Trần Quang T là con ruột của bà O thừa nhận là có thật và anh thừa nhận bà O hiện còn nợ tiền mua phân bón và vật tư nông nghiệp của ông T. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định việc mua bán phân bón và vật tư nông nghiệp giữa ông T, bà O là có thật. Xét thấy việc ông T đã giao đủ số lượng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật nhưng bà O chưa thanh toán số tiền 42.916.000đồng theo giấy giao hàng là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 1 Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án nói rõ các chứng cứ nguyên đơn làm căn cứ khởi kiện cho bà O được biết và có văn bản nêu rõ ý kiến của mình nhưng bà O không có ý kiến. Do vậy bà O phải chịu hậu quả pháp lý của việc không có ý kiến theo quy định pháp luật. Căn cứ Điều 428, khoản 1 Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Trương Văn T.

[4] Về yêu cầu trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền của nguyên đơn: Ông Trương Văn T yêu cầu bà Nguyễn Thị Kiều O trả khoản tiền lãi theo mức lãi suất 0,75%/tháng, tính từ tháng 04 năm 2012 đến thời điểm xét xử sơ thẩm tháng 9/2017 là 65 tháng thành tiền là 20.921.550đồng. Xét thấy bà Nguyễn Thị Kiều O chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 438 và khoản 2 Điều 305 Bộ Luật dân sự năm 2005. Thời điểm bà O vi phạm nghĩa vụ trả tiền là tháng 04/2012 nên áp dụng mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm năm 2012 theo quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là 9%/năm (0,75%/ tháng). Ông T yêu cầu trả lãi với mức lãi suất 0,75%/tháng là phù hợp mức lãi suất theo quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T, buộc bà O phải trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ theo mức lãi suất là 0,75%/tháng tính từ thời điểm bà O vi phạm nghĩa vụ trả tiền mua hàng là tháng 04/2012 đến ngày Tòa án xét xử là 15/9/2017 là 65 tháng, thành tiền là 20.921.550đồng ($42.916.000\text{đồng} \times 0,75\% \times 65\text{ tháng}$), tuy nhiên ông T chỉ yêu cầu số tiền lãi tính tròn là 20.000.000đồng là có lợi cho bà O. Ngoài ra, kể từ ngày ông Trương Văn T có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Nguyễn Thị Kiều O chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì bà O còn phải

chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Về phương thức trả nợ, thời điểm trả nợ: Tại phiên tòa nguyên đơn ông Trương Văn T xác định ông yêu cầu bà Nguyễn Thị Kiều O trả một lần toàn bộ số tiền mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật còn nợ là 42.916.000đồng và số tiền lãi là 20.000.000đồng, tổng cộng là 62.916.000đồng, yêu cầu trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy bà Nguyễn Thị Kiều O đã vi phạm hợp đồng mua bán, nghĩa vụ trả tiền của bên mua theo quy định tại Điều 428, Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005 và ông T đã nhiều lần yêu cầu bà O trả tiền nhưng bà O không trả làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông T nên việc ông T yêu cầu bà O trả một lần toàn bộ số tiền còn nợ khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kiều O phải chịu án phí trên số tiền phải thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Ông Trương Văn T, bà Nguyễn Thị Kiều O có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 428, Điều 438 và khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005;
- Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn T.

- Buộc bà Nguyễn Thị Kiều O trả cho ông Trương Văn T số tiền mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật là 62.916.000đồng (sáu mươi hai triệu chín trăm mười sáu ngàn đồng). Trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Kể từ ngày ông Trương Văn T có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Nguyễn Thị Kiều O chậm thi hành việc trả tiền thì bà O còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Kiều O phải chịu 3.145.800đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Ông Trương Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Trương Văn T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 1.876.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 18628 ngày 11/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo:

- Ông Trương Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.
- Bà Nguyễn Thị Kiều O có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- CCTHADS huyện Tân Phước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hồ Thị Kim Hương